

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

V/v tranh chấp: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kỳ Tùng và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N - sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Võ Văn C - sinh năm 1983

Cùng trú tại: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị N có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Chị N và anh C tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng sau đó nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra kinh cãi, anh C thường xuyên đánh đập chị N, anh C ngoại tình và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Nay xét thấy tình cảm không

còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Hồng V, sinh ngày 03/03/2004 và cháu Võ Văn K, sinh ngày 28/11/2013, hiện cháu V và cháu K do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V và cháu K, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Văn C đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2021, anh Võ Văn C trình bày:

Anh C và chị N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị N ghen tuông. Nay chị N xin ly hôn thì anh C không đồng ý vì bản thân còn thương chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Hồng V, sinh ngày 03/03/2004 và cháu Võ Văn K, sinh ngày 28/11/2013; Anh C không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh C tôn trọng nguyện vọng của cháu V và cháu K. Nếu các con ở với chị N thì anh C sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

* Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Võ Thị Hồng V, sinh ngày 03/03/2004 và cháu Võ Văn K, sinh ngày 28/11/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đ/tháng; cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị N khởi kiện anh Võ Văn C trú tại: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Võ Văn C tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/3/2004 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Chị N đề nghị ly hôn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra kình cãi, anh C thường xuyên đánh đập chị N, anh C ngoại tình và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh C cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do chị N ghen tuông, anh C không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương chị N.

HĐXX xét thấy: Quá trình chung sống chị N và anh C có xảy ra mâu thuẫn và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 2/2020 đến nay, chị N xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh C, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị N kiên quyết ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết vụ án anh C được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện sự thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù anh C có lời khai cho rằng còn thương chị N nhưng không có ý thức hàn gắn tình cảm cũng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh C là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho chị N được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị N và anh C thống nhất có 02 con chung tên Võ Thị Hồng V, sinh ngày 03/03/2004 và cháu Võ Văn K, sinh ngày 28/11/2013; Tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu K, yêu cầu anh C có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đ/tháng và cháu K 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi có một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Anh C có lời khai thể hiện anh C tôn trọng nguyện vọng của các con, muốn ở với ai thì ở và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

HĐXX xét: Cháu V, cháu K lâu nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó, mặt khác quá trình giải quyết vụ án, cháu V và cháu K đã có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với chị N. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý cho các cháu, cần tiếp tục giao cháu V, cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Xét để đảm bảo cho cuộc sống và phát triển toàn diện cho 02 cháu V và K thì cần có mức cấp dưỡng phù hợp, căn cứ mức chi phí sinh hoạt, học tập và sinh sống của các cháu tại địa phương. Anh C làm nghề thợ hồ (thợ chính) mức thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, căn cứ vào mức chi tiêu trung bình tại địa phương, HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi 02 cháu, mỗi cháu 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của chị N là phù hợp, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đ/tháng, cháu K 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí HNGĐ- ST; Bị đơn anh C phải chịu án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N được ly hôn với anh Võ Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Hồng V, sinh ngày 03/03/2004 và cháu Võ Văn K, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Võ Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đ (một

triệu đồng)/tháng và cháu K 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/2022 cho đến khi có một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004653 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên

Bị đơn anh Võ Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền